

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 26 - 4 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Kỳ và ông Lê Đức Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS, ngày 21/3/2018, đối với bị cáo:

Phan Văn Th, tên gọi khác: “X”; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1994 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Ch và bà Nguyễn Thị M; chung sống không đăng ký kết hôn với chị Tôn Nữ Hồ Th M, sinh năm 1993 và có một người con sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Huỳnh Thị C, tên gọi khác “Tr” sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Anh Võ Đại Quang D, tên gọi khác “B” sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Võ Đại A, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về hành vi "Trộm cắp tài sản" như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 07/12/2017, Phan Văn Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43H7-ABCD đi từ xã T lên xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, khi đi ngang quán cà phê “Tr” ở tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì thấy anh Võ Đại A là người quen đang ngồi trong quán, Th dừng xe vào ngồi uống bia với anh A. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Th quan sát thấy chị chủ quán Huỳnh Thị C cầm một cái ví da màu đen cất vào phòng ngủ rồi chở con đi học, nên Th nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị C. Th giả vờ đi vệ sinh rồi lên vào phòng ngủ của chị C thấy ví da đang để trên tấm gỗ treo vật dụng gia đình. Th lấy ví da đem vào phòng vệ sinh nhà chị C lục soát lấy được số tiền 3.150.000 đồng, cất giấu ví da trong bồn nước của bồn cầu vệ sinh rồi đi ra điều khiển xe mô tô 43H7-ABCD chạy lên thành phố H. Trên đường đi, Th rủ Võ Đại Quang D cùng thuê xe Taxi B do anh Phan Văn Đ điều khiển đi chơi. Số tiền trộm cắp được Th đã sử dụng 50.000 đồng đổ xăng; 2.400.000 đồng tiêu xài cùng với các anh Võ Đại Quang D, Phan Văn Đ tại quán Bar “ASTAR” đường V, thành phố H; 170.000 đồng Th trả tiền thuê xe Taxi cho anh Đ; số tiền còn lại Th tiêu xài cá nhân.

Đến sáng ngày 08/12/2017, Phan Văn Th bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phát hiện bắt giữ, Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chỉ ra nơi cất giấu ví da màu đen, qua kiểm tra bên trong ví còn có 01 nhẫn vàng có khối lượng 01 chỉ vàng 9999, 01 giấy chứng minh nhân dân của chị Huỳnh Thị C và 01 túi giấy đựng vàng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tạm giữ gồm:

- Một chiếc nhẫn kim loại màu vàng hình tròn bên trong có dòng chữ “9999 Đông Hà 1Ch12”;

- Một ví da màu đen kích thước dài 24,5 cm rộng 16 cm, bên ngoài có gắn lô gô “CG” bằng kim loại;

- Một túi giấy hình chữ nhật kích thước dài 8,5 cm, rộng 06 cm, mặt trước có in lô gô chiếc nhẫn màu đỏ;

- Một giấy chứng minh nhân dân của chị Huỳnh Thị C;

- Xe mô tô biển kiểm soát 43H7-ABCD nhãn hiệu LISOHAKA (xe của bị cáo Phan Văn Th).

Ngày 25/12/2017, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế đã có kết luận giám định đối với chiếc nhẫn kim loại màu vàng đã tạm giữ có khối lượng 01chỉ, chất lượng 99,9% vàng.

Ngày 28/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có kết luận, xác định các tài sản bị trộm cắp trong vụ án như sau: Đối với 01chiếc nhẫn kim loại vàng khối lượng 01 chỉ trị giá 3.550.000 đồng; 01 ví da màu đen bên ngoài có gắn lô gô “CG” bằng kim loại trị giá 70.000 đồng; tổng giá trị tài sản 3.620.000 đồng.

Ngày 29/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 11/QĐ trả lại các tài sản đã tạm giữ cho chủ sở hữu là chị Huỳnh Thị C gồm: 01chiếc nhẫn kim loại vàng; 01 ví da màu đen bên ngoài có gắn lô gô “CG” bằng kim loại; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị C; 3.150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 túi giấy hình chữ nhật. Riêng đối với xe mô tô biển kiểm soát 43H7-ABCD nhãn hiệu LISOHAKA (xe của bị cáo Phan Văn Th) hiện đang được tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại chị Huỳnh Thị C đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P trả lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và tại phiên tòa chị C không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSPL ngày 19/3/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Phan Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên toàn bộ cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phan Văn Th và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/QH14; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn Th từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01(một) năm 06 tháng đến 02 (hai) năm.

Về vấn đề dân sự: Người bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA, biển kiểm soát 43H7 - ABCD của bị cáo Phan Văn Th.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với tội danh “Trộm cắp tài sản” của bị cáo Phan Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các kết luận giám định, định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 07/12/2017, tại quán cà phê “Tr” của chị Huỳnh Thị C ở tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Phan Văn Th đã có hành vi lén lút đột nhập vào phòng ngủ của chị Huỳnh Thị C trộm cắp tài sản để trong ví da màu đen có tổng giá trị 6.770.000 đồng (01 chiếc nhẫn vàng 01 chỉ chất lượng 99,9% vàng có giá trị 3.550.000 đồng; 01 ví da màu đen có giá trị 70.000 đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.150.000 đồng). Bị cáo đã sử dụng số tiền 3.150.000 đồng vào mục đích hưởng thụ cá nhân cùng với các anh Võ Đại Quang D, Phan Văn Đ.

Với hành vi và giá trị tài sản đã chiếm đoạt, bị cáo Phan Văn Th đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Phan Văn Th theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[2] Bị cáo Th là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật; mặc dù bị cáo có đủ sức khỏe để lao động, nhưng do bản tính ham chơi lười lao động, mong muốn có tiền để tiêu xài cá nhân bằng cách trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thị trấn P nói riêng và huyện P nói chung. Nên cần phải xét xử tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i; “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án.

Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của bị cáo Phan Văn Th. Hội đồng xét xử thấy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cần áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo cũng phát huy tác dụng hình phạt và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, đối với các anh Võ Đại A, Võ Đại Quang D, Phan Văn Đ không biết, không giúp sức hoặc hỗ trợ cho hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn Th. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P và Viện kiểm sát nhân dân huyện P không xem xét trách nhiệm của anh A, anh D, anh Đ là có căn cứ pháp luật.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến khiếu nại. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng nói trên. Vì vậy, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề dân sự: Đối với các tài sản bị trộm cắp, quá trình điều tra xác định được là tài sản riêng của bị hại là chị Huỳnh Thị C (chị C chưa đăng ký kết hôn với người khác) và tại phiên tòa chị C không có yêu cầu gì thêm về vấn đề dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Bị hại chị Huỳnh Thị C đã được trả lại đầy đủ các tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43H7 - ABCD của bị cáo Phan Văn Th là phương tiện có liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng làm phương tiện để nhanh chóng tẩu thoát sau khi đã chiếm đoạt được tài sản trộm cắp, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung

năm 2009); các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phan Văn Th, tên gọi khác “X” phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Th 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/4/2018).

Giao bị cáo Phan Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LISOHAKA biển kiểm soát 43H7 - ABCD.

(Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số: 10/BBVC-CCTHADS ngày 26/4/2018 giữa Cơ quan Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 mục I phần A của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã Đ, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Bị cáo Th;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú